

Số: 65/2021/QĐST-HNGĐ

P, ngày 27 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Bùi Văn T, sinh năm 1976;

HKTT: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H;

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982;

HKTT: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

- Cháu Bùi Đức N, sinh ngày 06/12/2000;

- Cháu Bùi Thiện N, sinh ngày 11/9/2009;

Đều HKTT: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H;

Người đại diện theo pháp luật cho cháu N, cháu N là anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ hôn N:* Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh H vào ngày 19/02/2000 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn N giữa anh T và chị C là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, anh T và chị C sống với nhau không hạnh phúc, hay xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề như về lối sống, công việc, trong làm ăn kinh tế, ngoài ra chị C nghi ngờ anh T sống không chung thủy với chị, có quan hệ ngoại tình với

người phụ nữ khác. Anh T và chị C đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, mục đích hôn N không đạt được. Do đó, anh T, chị C đều thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận. Xét đây là sự tự nguyện của anh T và chị C nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Đức N, sinh ngày 06/12/2000; cháu Bùi Thị Thanh X, sinh ngày 22/11/2002; cháu Bùi Thiện N, sinh ngày 11/9/2009. Anh T và chị C thỏa thuận thống nhất giao cháu Bùi Đức N cho anh Bùi Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N tự lập được (do cháu N bị thiếu năng trí tuệ); giao cháu Bùi Thiện N cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T và chị C thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Đối với cháu Bùi Thị Thanh X đã trưởng thành, tự lập được nên anh T và chị C không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Xét thấy đây là sự tự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C thỏa thuận thống nhất anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét đây là sự tự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn N: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C thỏa thuận thống nhất giao cháu Bùi Đức N, sinh ngày 06/12/2000 cho anh Bùi Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N tự lập được (do cháu N bị thiếu năng trí tuệ); giao cháu Bùi Thiện N, sinh ngày 11/9/2009 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T và chị C thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Đối với cháu Bùi Thị Thanh X, sinh ngày 22/11/2002 đã trưởng thành, tự lập được nên anh T và chị C không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị C thỏa thuận anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn N và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006007 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh H;
- UBND xã T (GCNKH số 11/2000)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q